TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH NGUYỄN B THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 6 -2024
v/v "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH NGUYỄN B THUẬN
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỷ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nam Tiến
Bà Nguyễn Thị Tây Nguyên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Trần Thanh Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Tằn Đình Thống – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Nguyễn B Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QDhPT – HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn B**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khu phố 03, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Nguyễn B Thuận.

Bị đơn: Ông **Nguyễn H** , sinh năm 1981.

Địa chỉ: khu phố 03, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Nguyễn B Thuận.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn B trình bày: Bà và ông Nguyễn H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và sống với nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng bà, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P vào năm 2006.

Cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn B và ông Hậu hạnh phúc được khoảng

thời gian đầu. Nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Hậu ham chơi, ngoại tình với người phụ nữ khác và đánh đập bà, mặc dù nhiều lần khuyên can nhưng ông Hậu không thay đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên cải vả, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng. Đến tháng 9 năm 2023 bà Nguyễn B và ông Hậu sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy đời sống hôn nhân đã không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với Nguyễn H.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Tr – sinh ngày 27/3/2007, Nguyễn Thị Q – sinh ngày 23/3/2012 và Nguyễn Thị D – sinh ngày 05/6/2015, bà Nguyễn B xin nhận nuôi con, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn H: theo biên bản xác minh tại khu phố 03, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Nguyễn B Thuận thì ông Nguyễn H có hộ khẩu tại khu phố 03, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Nguyễn B Thuận. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn H theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Hậu cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn B đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa bị đơn ông Hậu đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS; các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân – gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án. Tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của bà Nguyễn B đối với ông Nguyễn H; bà Nguyễn B được ly hôn với ông Hậu.

- Giao cho bà Nguyễn B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Tr – sinh ngày 27/3/2007, Nguyễn Thị Q – sinh ngày 23/3/2012 và Nguyễn Thị D – sinh ngày 05/6/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn H, do đó đây là vụ án "Ly hôn, nuôi con chung" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn H có nơi cư trú tại khu phố 03, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Nguyễn B Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ông Nguyễn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông Hậu theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn B và ông Nguyễn H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Nguyễn B Thuận vào năm 2006 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà Nguyễn B trình bày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là ông Hậu ham chơi, ngoại tình với người phụ nữ khác và đánh đập bà, mặc dù nhiều lần khuyên can nhưng ông Hậu không thay đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên cải vả, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng. Đến tháng 8 năm 2023 bà Nguyễn B và ông Hậu sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Hậu không chấp hành, điều này chứng tỏ ông Hậu không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà Nguyễn B.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn B và ông Hậu đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét

xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn B.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Tr – sinh ngày 27/3/2007, Nguyễn Thị Q – sinh ngày 23/3/2012 và Nguyễn Thị D – sinh ngày 05/6/2015, bà Nguyễn B xin nhận nuôi 03 con, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị D đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với bà Nguyễn B, việc giao các cháu cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét đến nguyện vọng của các cháu, nên giao cho bà Nguyễn B là người tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các cháu đến khi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn B là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn B đối với ông Nguyễn H.

Bà Nguyễn B được ly hôn với ông Nguyễn H.

3/ Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Thị Tr – sinh ngày 27/3/2007, Nguyễn Thị Q – sinh ngày 23/3/2012 và Nguyễn Thị D – sinh ngày

05/6/2015 cho bà Nguyễn B được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà Nguyễn B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4/Về án phí: bà Nguyễn B phải nộp **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Nguyễn B đã nộp **300.000** đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0006605 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Nguyễn B đã nộp đủ án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

Lâm Thị Mỹ Kỷ